PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

XĂNG KHÔNG CHÌ RON 92

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

- **Tên thường gọi của chất:** Xăng không chì RON 92	**Mã sản phẩm:** Không áp dụng
- **Tên thương mại:** Xăng RON 92, Xăng A92	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:** **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam** Trụ sở chính: 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam + Điện thoại: +84 (255) 3825.825 + Số Fax: +84 (255) 3825.826 + Website: *http://www.bsr.com.vn*
- **Tên gọi khác:** Xăng Mogas 92	
- **Nhà sản xuất:** **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam** Địa chỉ Nhà máy: xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	
- **Mục đích sử dụng:** Sử dụng làm nhiên liệu cho các động cơ đốt trong.	

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

2.1 Mức xếp loại nguy hiểm:

- Chất lỏng dễ cháy: cấp 2;
- Sự ăn mòn/kích ứng da: cấp 2;
- Đột biến tế bào mầm (tế bào gen): cấp 1B
- Độc tính sinh sản: cấp 2
- Nguy hại hô hấp: cấp 1;
- Khả năng gây ung thư: cấp 1B;
- Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn: cấp 3
- Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại: cấp 2;
- Chất nguy hại môi trường thủy sinh (mãn tính): cấp 2.

2.2 Các yếu tố nhãn theo GHS

- **Hình đồ cảnh báo:**

- **Từ cảnh báo:** Nguy hiểm
- **Cảnh báo nguy cơ:**
  + H225: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
  + H315: Gây kích ứng da.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

+ H340: Có thể gây ra các khuyết tật di truyền.
+ H361: Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
+ H304: Có thể gây tử vong nếu nuốt hoặc đi vào đường hô hấp.
+ H350: Có thể gây ung thư.
+ H335: Có thể gây kích ứng hô hấp.
+ H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại.
+ H411: Độc đối với sinh vật thuỷ sinh với ảnh hưởng kéo dài.

- Biện pháp phòng ngừa:

+ P201: Có hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
+ P202: Không được xử lý cho đến khi nào tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
+ P210: Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng. Không hút thuốc.
+ P233: Thùng chứa luôn được đóng chặt.
+ P240: Nối dây tiếp đất cho thùng chứa và thiết bị tiếp nhận
+ P241: Sử dụng các thiết bị điện/thiết bị thông gió/thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.
+ P242: Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.
+ P243: Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.
+ P260: Không hít thở hóa chất ở dạng bụi/khói/khí/sương/hơi
+ P261: Tránh hít thở hóa chất ở dạng bụi/khói/khí/sương/hơi.
+ P264: Rửa sạch sau khi xử lý.
+ P271: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.
+ P273: Không thải bỏ ra môi trường.
+ P280: Dùng găng tay, quần áo, kính bảo hộ, kính che nguyên mặt phù hợp khi tiếp xúc với hóa chất.

- Ứng phó sự cố:

+ P312: Gọi cho nhân viên y tế nếu nạn nhân cảm thấy không khỏe.
+ P321: Đặc trị (xem hướng dẫn sơ cấp cứu trên nhãn này)
+ P331: Không gây nôn mửa
+ P391: Thu gom hóa chất tràn đổ
+ P301 + P310: Nếu nuốt phải hóa chất: nhanh chóng gọi cho nhân viên y tế để được hỗ trợ.
+ P302 + P352: Nếu hóa chất rơi vào da: rửa vùng da bị dính hóa chất với nhiều nước và xà phòng.
+ P303 + P361 + P353: Nếu hóa chất rơi vào da (hoặc tóc): nhanh chóng cởi (xé) bỏ quần áo dính hóa chất. Tắm hoặc rửa vùng da bị dính hóa chất với nước và xà phòng.
+ P304 + P340: Nếu hít phải hóa chất: di chuyển nạn nhân đến nơi không khí trong lành và để nạn nhân nằm nghỉ ngơi ở vị trí dễ hô hấp.
+ P308 + P313: Nếu bị phơi nhiễm hoặc cảm thấy lo lắng thì yêu cầu sự trợ giúp, tư vấn của nhân viên y tế.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

+ P332 + P313: Nếu xảy ra kích ứng da thì yêu cầu sự tư vấn, hỗ trợ của nhân viên y tế.
+ P362 + P364: Cởi bỏ quần áo bị dính hóa chất và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
+ P370 + P378: Trong trường hợp xảy ra cháy: sử dụng cát khô, bình chữa cháy CO_2 hoặc bình bột khô hóa học để dập lửa.

- Lưu trữ:

+ P405: Khó kho cẩn thận.
+ P403 + P233: Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.
+ P403 + P235: Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Giữ mát.

- Thải bỏ:

+ P501: Hóa chất/thùng chứa thải bỏ phải được xử lý bởi đơn vị được cấp phép xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo thể tích)
Olefin	n/a	C_nH_{2n}	≤ 38%
Hydrocarbon thơm	n/a	C_nH_{2n-6} (n>6)	≤ 40%
Benzen	71-43-2	C_6H_6	≤ 2,5%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung: Di chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực bị sự cố, yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế, không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có nhanh chóng rửa mắt dưới vòi nước ít nhất 15 phút trong khi giữ mí mắt mở. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: Ngay lập tức cởi bỏ quần áo, giày bị dính hóa chất và rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nước sạch, nước mát ít nhất 15 phút. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Di chuyển nạn nhân đến nơi không khí trong lành và để nạn nhân nằm nghỉ ngơi ở vị trí dễ hô hấp. Nới lỏng cổ áo, cà vạt hoặc dây thắt lưng để nạn nhân dễ thở. Nếu nạn nhân ngừng thở thì thực hiện hô hấp nhân tạo, nếu nạn nhân ngừng tim thì ép tim ngoài lồng ngực. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Rửa sạch miệng cho nạn nhân. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn trừ khi được sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu nạn nhân tự nôn cần giữ đầu của nạn nhân ở vị trí thấp đầu nghiêng sang một bên để chất nôn không tràn vào phổi. Không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh. Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HOẢ HOẠN

Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Carbon dioxide (CO_2), carbon monoxide (CO) và các hydrocarbon khác.

Các tác nhân gây cháy, nổ: Nguồn nhiệt, tia lửa hoặc do ma sát, tĩnh điện.

Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

+ **Đám cháy nhỏ:** Sử dụng bình chữa cháy CO_2, bình bột khô hóa học hoặc bình bọt foam chữa cháy để dập lửa.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

+ **Đám cháy lớn:** Cô lập, đóng nguồn gây rò rỉ, tràn đổ nếu đảm bảo an toàn. Sử dụng bọt chữa cháy hoặc vòi phun nước thành tia nhỏ để dập lửa. Không sử dụng dòng nước áp lực mạnh để chữa cháy vì có thể sẽ làm đám cháy phân tán và lan rộng. Dùng nước để làm mát xung quanh, kho chứa nhằm tránh hiện tượng tăng áp suất, tạo hỗn hợp gây nổ

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp như mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng bảo hộ chịu nhiệt và mặt nạ phòng độc hoặc bình dưỡng khí SCBA.

Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Hơi dễ tạo thành hỗn hợp cháy nổ với không khí. Hơi của sản phẩm nặng hơn không khí và có thể di chuyển xa khỏi nguồn rò rỉ. Nếu gặp nguồn lửa có thể gây cháy ngược đến nguồn phát tán. Sản phẩm khi cháy có thể nổi trên mặt nước. Ngăn không cho sản phẩm chảy vào cống, rãnh, mương thoát nước hoặc nguồn nước uống. Thông báo tình huống sự cố cho cơ quan chức năng theo quy định.

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với khu vực xảy ra cháy, nổ và môi trường xung quanh.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Hướng dẫn chung

Cô lập khu vực xảy ra sự cố. Sơ tán những nhân viên không phận sự. Thông báo tình huống sự cố theo quy định. Kiểm tra nồng độ khí cháy nổ ở khu vực xung quanh.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy. Cô lập khu vực rò rỉ, tràn đổ. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu đảm bảo an toàn. Thông gió để lưu thông không khí, giữ cho nồng độ khí dưới giới hạn nổ. Lưu ý hướng gió và ra khỏi những khu vực có vị trí thấp. Sử dụng các vật liệu khô, trơ để thấm hút hóa chất và cho vào thùng chứa chất thải thích hợp. Chất thải được xử lý bởi nhà thầu được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật. Sử dụng các thiết bị, dụng cụ chống tia lửa, chống nổ khi thực hiện khắc phục sự cố. Ngăn không cho hóa chất đi vào nguồn nước, cống rãnh.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: Thông báo tình huống sự cố. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy. Cô lập khu vực rò rỉ, tràn đổ. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu đảm bảo an toàn. Thông gió để lưu thông không khí, giữ cho nồng độ khí dưới giới hạn nổ. Dùng nước phun thành tia nhỏ để phân tán hơi tích tụ. Lưu ý hướng gió và ra khỏi những khu vực có vị trí thấp. Hóa chất tràn đổ trên mặt nước sẽ bay hơi nhanh chóng, gây khó khăn cho việc ngăn chặn và thu gom. Sử dụng các vật liệu như đất, cát khô hoặc các vật liệu không cháy khác tạo thành bờ bao để ngăn không cho hóa chất chảy vào hệ thống cống rãnh, mương thoát nước đồng thời dùng để thấm hút hóa chất rò rỉ tràn đổ. Thu gom cho vào thùng chứa chất thải thích hợp. Xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Sử dụng các thiết bị, dụng cụ chống tia lửa, chống nổ khi thực hiện khắc phục sự cố. Vật liệu dùng để hấp thụ, thấm hút bị ô nhiễm có thể gây ra các nguy hiểm tương tự như hóa chất bị tràn đổ.

Biện pháp phòng ngừa đối với con người

Tránh hít phải hơi sản phẩm. Sơ tán nhân viên đến nơi an toàn. Đảm bảo thông gió tốt khu vực xảy ra sự cố. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Chú ý hơi có thể tích tụ đến nồng độ có thể gây nổ. Hơi có thể tích tụ ở những khu vực có vị trí thấp. Đội ứng phó tình huống khẩn cấp và xử lý hóa chất tràn đổ phải được đào tạo và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp (xem phần VIII).

Biện pháp phòng ngừa đối với môi trường

Không được để hóa chất thoát vào môi trường. Tránh để hóa chất thấm vào lòng đất. Nếu sông, hồ, cống rãnh, mương thoát nước bị nhiễm hóa chất phải thông báo cho cấp thẩm quyền hoặc/và cơ quan chức năng theo quy định.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Không hít thở hóa chất ở dạng hơi/sương. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Không được nếm thử hoặc nuốt. Tránh tiếp xúc kéo dài. Chỉ sử dụng hóa chất khi khu vực đã được thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Trong trường hợp thông gió không đảm bảo nên mang thiết bị trợ thở phù hợp. Vệ sinh sạch sẽ sau khi tiếp xúc với hóa chất. Hóa chất này cực kỳ dễ cháy, hơi có thể tạo hỗn hợp nổ với không khí ngay ở nhiệt độ phòng. KHÔNG sử dụng, cất giữ hoặc mở thiết bị chứa hóa chất gần ngọn lửa trần, nguồn nhiệt hoặc nguồn phát lửa. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiện tượng phóng tĩnh điện. Tất cả các thiết bị phải được nối tiếp đất khi làm việc với hóa chất. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị chống phóng tia lửa, chống nổ. Nghiêm cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực sử dụng, cất giữ và sản xuất hóa chất. Tránh thải hóa chất ra môi trường.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Áp suất trong bình kín có thể tăng cao dưới ảnh hưởng của nhiệt độ. Bảo quản và sử dụng tại khu vực tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa hay ngọn lửa. Thiết bị chứa phải được đóng kín nắp, bảo quản tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, dán nhãn rõ ràng, không được gỡ bỏ nhãn trên thiết bị chứa. Các thiết bị chứa đã mở phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh bị rò rỉ. Thiết bị chứa rỗng hoặc chứa một phần hóa chất có thể chứa hơi/khí dễ cháy nổ. Tránh các tác động vật lý lên bồn, thùng chứa. Không được hàn, cắt, khoan, mài hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên thiết bị chứa hoặc gần khu vực lưu chứa sản phẩm. Sử dụng các thiết bị chứa đảm bảo an toàn.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

Sử dụng các biện pháp thông gió thích hợp để giữ nồng độ hơi/khí của hóa chất dưới ngưỡng giới hạn nổ, đặc biệt trong không gian hạn chế. Chỉ sử dụng các thiết bị đảm bảo an toàn điện đã được phê duyệt trong các khu vực được phân loại.

Phương tiện bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt: Mang kính bảo hộ, kính chống hóa chất hoặc kính che nguyên mặt để tránh hóa chất bắn vào mắt.

Bảo vệ tay: Mang găng tay chống hóa chất hoặc găng tay chống thấm khi làm việc với hóa chất. Găng tay cao su nitrile hoặc neoprene được khuyến cáo sử dụng.

Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp để tránh tiếp xúc hóa chất với da. Khả năng chống hóa chất của các bộ quần áo chống hóa chất của các hãng sản xuất khác nhau là khác nhau cũng như phụ thuộc vào mức phơi nhiễm hóa chất.

Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ phòng độc hơi hữu cơ trong trường hợp nồng độ hóa chất được dự kiến vượt quá giới hạn tiếp xúc hoặc có mùi, gây kích ứng.

Sử dụng bình dưỡng khí SCBA đã được kiểm định trong trường hợp không kiểm soát được hoặc không xác định được nồng độ tiếp xúc, thiếu oxy hoặc bất kỳ trường hợp nào khác mà mặt nạ lọc khí không thể đảm bảo an toàn.

Bảo vệ chân: Mang giày, ủng chống hóa chất.

Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân chống hóa chất: quần áo chống hóa chất, mặt nạ phòng độc/bình dưỡng khí SCBA, kính chống hóa chất, găng tay chống hóa chất, ủng chống hóa chất…

Các biện pháp vệ sinh

Vòi tắm, bồn rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp phải được lắp đặt gần khu vực làm việc với hóa chất. Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân. Tránh để da tiếp xúc với hóa chất trong thời gian dài hoặc lặp lại nhiều lần. Rửa tay sạch trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Không sử dụng hóa chất này như một dung môi để rửa. Không sử dụng dung môi hoặc các chất tẩy rửa mạnh để rửa hóa chất này khi dính vào da. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	Dạng lỏng	**Chỉ số Octan**	≥ 92
Mùi đặc trưng	Mùi hydrocacbon	**Nhiệt độ sôi (^{o}C)**	Chưa có thông tin
Màu sắc	Sạch, trong	**Điểm chớp cháy cốc kín**	Chưa có thông tin
pH	Không phù hợp	**Nhiệt độ tự cháy (^{o}C)**	Chưa có thông tin
Hàm lượng lưu huỳnh	≤ 500 mg/kg	**Giới hạn nồng độ cháy/nổ trên**	Chưa có thông tin
Áo suất ở 37,8 ^{0}C	43 ÷ 75 kPa	**Giới hạn nồng độ cháy/nổ dưới**	Chưa có thông tin
Độ ổn định oxy hóa	≥ 480 phút	**Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi)**	≤ 5mg/100mL
Khối lượng riêng ở 15^{0}C	Báo cáo	**Ăn mòn tấm đồng** (ở 50^{o}C/3 giờ)	≤ 1
Hàm lượng tro (% khối lượng)	≤ 0.01%	**Hàm lượng kim loại (Fe, Mn)**	≤ 5 mg/L
Hàm lượng oxy (% khối lượng)	≤ 2,7 wt%	**Hàm lượng chì**	≤ 0,005 g/L

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Phản ứng: Ổn định ở điều kiện thường.

Sự ổn định hóa học: Sản phẩm này có tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ, áp suất thường và điều kiện sử dụng được khuyến cáo.

Khả năng phản ứng nguy hiểm: Sự trùng hợp nguy hiểm không xảy ra.

Điều kiện cần tránh: Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Không để hơi tích tụ ở các khu vực có vị trí thấp hoặc trong không gian hạn chế.

Vật liệu không tương thích: Các chất axit, chất oxy hóa mạnh.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Sản phẩm phân huỷ sinh ra khí CO, CO_2 và/hoặc các hydrocarbon có khối lượng phân tử thấp hơn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Benzen	LD50	2990 mg/kg	Miệng	Chuột
	LD50	8263 mg/kg	Da	Thỏ
	LC50	44700 mg/m^3 trong 4 giờ	Hô hấp	Chuột

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Các ảnh hưởng mãn tính với người

Khả năng gây ung thư: Có thể gây ung thư. Nguy cơ gây ung thư phụ thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Khả năng gây đột biến: Chưa có thông tin.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản: Chưa có thông tin.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Benzen	LC50	Cá hồi	96 giờ	5,9 mg/L
	LC50	Cá tuế	96 giờ	15 – 32 mg/L
	EC50	Bọ nước	48 giờ	22 mg/L
	EC50	Tảo xanh	72 giờ	29 mg/L

Tác động trong môi trường

Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin.

Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin.

Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin.

Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Sản phẩm phân huỷ sinh học trong thời gian ngắn không gây nguy hiểm. Tuy nhiên, sản phẩm phân huỷ sinh học trong thời gian dài sẽ tăng tính độc hại.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Thông tin quy định thải bỏ : Theo quy định pháp luật hiện hành của nước sở tại về xử lý thải bỏ, tiêu hủy chất thải.

Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Được phân loại là chất thải nguy hại trong mọi trường hợp

Thải bỏ/tiêu hủy hóa chất thải : Sản phẩm thải phải được thu gom, vận chuyển, xử lý bởi đơn vị đã được cấp Giấy phép xử lý chất thải tương ứng theo quy định của pháp luật.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam

Tên hàng hóa vận chuyển : Nhiên liệu động cơ (Xăng)

Số UN : 1203

Phân loại nhóm/hàng nguy hiểm : 3

Quy cách đóng gói : II

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Nhãn vận chuyển :

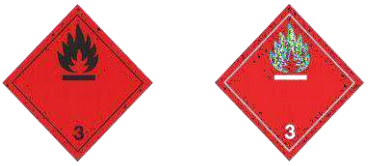

(No. 3)
Symbol (flame): black or white;
Background: red; Figure '3' in bottom corner

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA: Theo DOT/IATA/IMDG

Tên hàng hóa vận chuyển : Nhiên liệu động cơ (Xăng)

Số UN : 1203

Phân loại nhóm/hàng nguy hiểm : 3

Quy cách đóng gói : II

Nhãn vận chuyển :

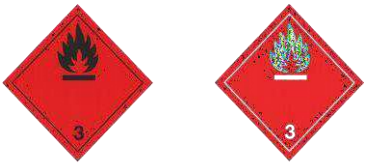

(No. 3)
Symbol (flame): black or white;
Background: red; Figure '3' in bottom corner

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Sản phẩm được kiểm soát theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam (bao gồm Luật, Nghị định, Thông tư, TCVN và các văn bản pháp lý liên quan khác) hướng dẫn các lĩnh vực hóa chất, phòng cháy chữa cháy và an toàn sức khỏe, môi trường.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Hệ thống đánh giá mức độ nguy hại (HMIS III):

Mối nguy đối với sức khỏe: 2

Mối nguy về cháy nổ: 3

Mối nguy lý, hóa: 0

Phương tiện bảo vệ cá nhân khuyến cáo (H): Găng tay (không thấm nước). Quần áo chống hóa chất. Thiết bị hỗ trợ hô hấp (mặt nạ phòng độc). Kính chống hóa chất (kính chống văng bắn).

HMIS III	
HEALTH	2**
FIRE	3
PHYSICAL HAZARD	0
PERSONAL PROTECTION	H

Hiệp hội phòng chống cháy Hoa Kỳ (NFPA):

Sức khỏe: 2

Khả năng cháy: 3

Khả năng phản ứng: 0

Nguy hiểm đặc biệt:

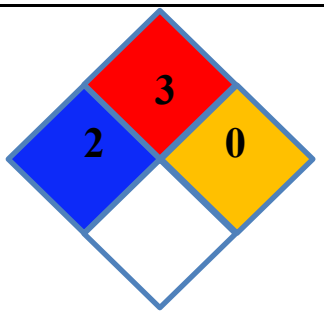

Thời gian sửa đổi, bổ sung gần nhất: 7/2026

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Lưu ý người đọc

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm tại thời điểm biên soạn mà chúng tôi có. Tuy nhiên, các thông tin trên chỉ là khuyến cáo nhằm giúp sử dụng, chế biến, cất giữ, vận chuyển, thải bỏ có thể ngăn ngừa, giảm thiểu được rủi ro, tai nạn xảy ra. Mặc dù các tính chất nguy hiểm đã được mô tả ở đây nhưng chúng tôi không đảm bảo đó là những mối nguy hiểm duy nhất. Nếu sản phẩm được sử dụng như một thành phần trong sản phẩm khác thì Phiếu an toàn hóa chất này không được áp dụng. Người sử dụng nên tự kiểm tra để xác định thông tin thích hợp cho các mục đích sử dụng riêng.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

SAFETY DATA SHEET (SDS)

UNLEADED GASOLINE RON 92

1. IDENTIFICATION

- **Product name:** Unleaded gasoline RON 92

Product code: Not applicable

- **Trade name:** Unleaded gasoline RON 92, Unleaded gasoline A92

- **Synonyms:** Gasoline Mogas 92

- **Producer:**

PetroVietNam Refining & Petrochemical Corporation

Address: Van Tuong Commune, Quang Ngai province, Viet Nam

- **Recommended use:** This product is used as a fuel for internal combustion engines.

In case of emergency:

PetroVietNam Refining & Petrochemical Corporation

Head office: 208 Hung Vuong Avenue, Nghia Lo ward, Quang Ngai Province, Viet Nam

+ Phone No: +84 (255) 3825.825

+ Fax No: +84 (255) 3825.826

+ Website: *http://www.bsr.com.vn*

2. HAZARD IDENTIFICATION

GHS Classification

2.1 Hazard classification:

- Flammable liquids: category 2;
- Skin corrosion/irritation: category 2;
- Germ cell mutagenicity: catagory 1B;
- Reproductive toxicity: category 2;
- Aspiration hazard: category 1;
- Carcinogenicity: category 1B;
- Specific target organ toxicity single exposure: category 3;
- Specific target organ toxicity repeated exposure: category 2;
- Hazardous to the aquatic environment (chronic): category 2.

2.2 Labeling elements

- **Hazard symbols:**

- **Signal word:** Danger
- **Hazard statements:**
  + H225: Flammable liquid and vapor.
  + H315: Causes skin irritation.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

+ H340: May cause genetic defects.
+ H361: Suspected of damaging fertility or the unborn child.
+ H350: May cause cancer.
+ H335: May cause respiratory irritation.
+ H304: May be fatal if swallowed and enters airways.
+ H373: May cause damage to organs through prolonged or repeated exposure.
+ H411: Toxic to aquatic life with long lasting effects.

- **Precautionary statements**

Prevention:

+ P201: Obtain special instructions before use.
+ P202: Do not handle until all safety precautions have been read and understood.
+ P210: Keep away from heat, hot surfaces, sparks, open flames and other ignition sources. No smoking.
+ P233: Keep container tightly closed.
+ P240: Ground and bond container and receiving equipment.
+ P241: Use explosion-proof electrical/ventilating/lighting equipment.
+ P242: Use non-sparking tools.
+ P243: Take action to prevent static discharges.
+ P261: Avoid breathing dust/fume/gas/mist/vapors/spray.
+ P264: Wash skin thoroughly after handling.
+ P271: Use only outdoors or in a well-ventilated area.
+ P273: Avoid release to the environment.
+ P280: Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection.

Response:

+ P312: Call a Poison center or doctor if you feel unwell.
+ P321: Specific treatment (see first aid instructions on this label).
+ P331: Do not induce vomiting.
+ P391: Collect spillage.
+ P301 + P310: IF SWALLOWED: Immediately call a Poison center or Doctor.
+ P302 + P352: IF ON SKIN: Wash with plenty of soap and water.
+ P303 + P361 + P353: IF ON SKIN (or hair): Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with soap and water or shower.
+ P304 + P340: IF INHALED: Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing.
+ P308 + P313: If exposed or concerned: Get medical advice/attention.
+ P332 + P313: If skin irritation occurs: Get medical advice/attention.
+ P362 + P364: Take off contaminated clothing and wash it before reuse.
+ P370 + P378: In case of fire: use dry sand, dry chemical, carbon dioxide or foam to extinguish.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Storage:

+ P405: Store locked up.
+ P403 + P233: Store in a well-ventilated place. Keep container tightly closed..
+ P403 + P235: Store in a well-ventilated place. Keep cool.

Disposal:

+ P501: Dispose of contents/container to an approved waste disposal plant.

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

Components	CAS Number	Formula	Concentration
Olefins	n/a	C_nH_{2n}	≤ 38%vol
Aromatics	n/a	C_nH_{2n-6} (n>6)	≤ 40%vol
Benzene	71-43-2	C_6H_6	≤ 2.5%vol

4. FIRST-AID MEASURES

General advice: Remove from exposure, lie down. In the case of accident or if you feel unwell, seek medical advice immediately. Never give anything by mouth to an unconscious person. Remove immediately all contaminated clothing and rinse skin with water/shower.

Eye contact: Remove contact lenses, if present and easy to do. Immediately flush eyes with large amounts of water for at least 15 minutes while holding eyelids open. Seek medical attention.

Skin contact: Remove contaminated clothing and shoes. Immediately flush skin with soap and plenty of water for at least 15 minutes. Seek medical attention if tissue appears damaged or if pain or irritation persists. Wash contaminated clothing and clean shoes thoroughly before re-use.

Inhalation: Get person out of contaminated area to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing. Loosen tight clothing such as a collar, tie, belt or waistband to facilitate breathing. If breathing is difficult, administer oxygen. If breathing is stopped, perform mouth-to-mouth resuscitation (carried out by trained First aid personnel). **CAUTION:** It may be dangerous to the person providing aid to give mouth-to-mouth resuscitation. Seek medical attention immediately.

Ingestion: Rinse mouth thoroughly. DO NOT induce vomiting unless directed to do so by medical personnel. If vomiting occurs spontaneously, the head should be kept low so that vomit does not enter the lungs. Never give anything by mouth to an unconscious person. Seek medical attention immediately.

5. FIRE-FIGHTING MEASURES

Products of combustion: Carbon dioxide (CO_2), carbon monoxide (CO), and other hydrocarbons.

Unusual fire and explosion hazards: Open flames, sparks, static discharge and heat.

Fire fighting media and Instructions:

+ **Small fire:** Use dry chemical powder, carbon dioxide (CO_2).
+ **Large fire:** If safe to do so, take immediate action to stop the source of the spill or leak. Use foam, water spray or fog. Do not use a solid water stream as it may scatter and spread fire. Use water to keep fire exposed containers cool.

Special protective equipment for fire-fighters: Wear full appropriate protective equipment, including helmet, protective clothing, boots, gloves and organic vapor cartridges or self-contained breathing apparatus (SCBA).

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Specific hazards during fire fighting

The vapor is easy to form an explosive mixture with air. Product vapors are heavier than air and can move farther away from the source of the leak. If it encounters a fire source, it can cause a fire to go back to the source of spread. The product may float on the surface of the water when burned. Prevent the product from flowing into drains, ditches, drainage ditches, or drinking water sources. Notify the incident situation to the authorities as prescribed.

Use extinguishing measures that are appropriate to local circumstances and the surrounding environment.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

General guidelines

Isolate area. Keep unnecessary personnel away. Alert stand-by emergency and fire fighting personnel. Monitor surrounding area for build-up of flammable air concentrations.

Small spills: Eliminate ignition sources. Spill or leak area should be isolated. Stop leak if without risk. Use adequate ventilation to keep vapor concentrations of this product below flammability/explosive limits. Keep upwind and out of low areas. Absorb with an inert dry material (sand, dirt or petroleum sorbent pads/pillow) and place in an appropriate waste disposal container. Dispose of via a licensed waste disposal contractor. Use spark-proof tools and explosion-proof equipment. Prevent entry into water intakes and waterways.

Large spills: Alert stand-by emergency and fire fighting personnel. Eliminate ignition sources. Spill or leak area should be isolated. Stop leak if without risk. Use adequate ventilation to keep vapor concentrations of this product below flammability/explosive limits. Use a water spray to disperse the vapors accumulation. Keep upwind and out of low areas. Spills on water will volatilize rapidly, making containment or recovery difficult. Dike spilled material or otherwise contain it to ensure runoff does not reach a waterway and to facilitate removal. Contain and collect spillage with absorbent material e.g. dry earth, sand or other non-combustible material. Prevent entry into water intakes and waterways. Sweep up and shovel into suitable containers for disposal according to local regulations. Use spark-proof tools and explosion-proof equipment. Contaminated absorbent material may pose the same hazard as spilled product.

Personal precautions:

Do not breathe vapor/mist. Evacuate personnel to a safe area. Ensure adequate ventilate the area. Remove all sources of ignition. Beware of vapor accumulating to form explosive concentrations. Vapors can accumulate in low areas. Response and clean-up crews must be properly trained and must utilize proper protective equipment (see Section 8).

Environmental precautions:

Should not be released into the environment. Avoid subsoil penetration. If the product contaminates rivers and lakes or drains, inform respective authorities.

7. HANDLING AND STORAGE

Precautions for safe handling

Do not breathe vapor/mist. Avoid contact with eyes, skin and clothing. Do not taste or swallow product. Avoid prolonged exposure. Use only with adequate ventilation. Wear suitable protective clothing. In case of insufficient ventilation, wear suitable respiratory equipment. Wash thoroughly after handling. The product is extremely flammable, and explosive vapor/air mixtures may be formed even at normal room temperatures. DO NOT handle, store or open near an open flame, sources of heat or sources of ignition. Take precautionary measures against static discharges. All equipment used when handling the product must be grounded. Use non-sparking tools and explosion-proof equipment. Do not eat, drink or smoke in work area. Avoid release to the

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

environment.

Conditions for safe storage

The pressure in sealed containers can increase under the influence of heat. Store and use away from heat, sparks, open flame or any other ignition source. Keep container tightly closed in a dry, cool, well-ventilated place, away from direct sunlight and clearly labeled, do not remove warning labels from containers. Containers that have been opened must be carefully resealed and kept upright to prevent leakage. Empty or partially full product containers or vessels may contain explosive vapors. Avoid physical damage to containers. Do not cut, drill, grind, weld or perform similar operations on or near containers. Use approved containers.

8. EXPOSURE CONTROLS/PERSONAL PROTECTION

Engineering measures

Use adequate ventilation to keep vapor concentrations of this product below occupational exposure and flammability/explosive limits, particularly in confined spaces. Use only intrinsically safe electrical equipment approved for use in classified areas.

Personal protective equipment

Eye protection: Wear safety glasses; chemical goggles or face shield are recommended where there is a possibility of splashing or spraying.

Hand protection: Chemical-resistant, impervious gloves when handling product. Gloves constructed of nitrile, neoprene are recommended

Skin and body protection: Wear clothing that can't be penetrated by chemicals or oil. The resistance of specific material may vary from product to product as well as with degree of exposure.

Respiratory protection: An approved air-purifying respirator with organic vapor cartridges or canister may be permissible under certain circumstances where airborne concentrations are or may be expected to exceed exposure limits or for odor or irritation.

Use a SCBA if there is a potential for uncontrolled release, exposure levels are not known, in oxygen deficient atmospheres, or any other circumstance where an air-purifying respirator may not provide adequate protection.

Foot protection: Wear chemical boots that can't be penetrated by chemicals or oil.

Personal Protection in Case of a Large Spill

Full suit, splash goggles, gloves, organic vapor cartridges or a self contained breathing apparatus.

Work/ Hygiene practices

Emergency eyewash and safety shower should be available in the near proximity to operations presenting a potential splash exposure. Use good personal hygiene practices. Avoid repeated and/or prolonged skin exposure. Wash hands before eating, drinking, smoking, or using toilet facilities. Do not use as a cleaning solvent on the skin. Do not use solvents or harsh abrasive skin cleaners for washing this product from exposed skin areas. Promptly remove contaminated clothing and launder before reuse.

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

Physical state	**:**	Liquid	**Octan number**	**:**	≥ 92
Odor:	**:**	Hydrocarbon odor	**Boiling point (^{0}C)**	**:**	Not available
Color	**:**	Bright and clear	**Flash point (closed cup)**	**:**	Not available

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

pH	:	Not applicable	**Auto ignition**	:	Not available
Sulfur content	:	≤ 500 mg/kg	**Uper Flammable Limit (UFL)**	:	Not available
Reid vapor pressure at 37.8ºC	:	43 ÷ 75 kPa	**Lower Flammable Limit (LFL)**	:	Not available
Oxidation stability	:	≥ 480 mins	**Existent gum content** (mg/100mL)	:	≤ 5
Density (at 15ºC), kg/m^3	:	Report	**Copper strip corrosion** (at 50ºC for 3 hours)	:	≤ 1
Ash content	:	≤ 0.01%wt	**Metal content (Fe, Mn)**	:	≤ 5 mg/L
Total oxygen content	:	≤ 2.7%wt	**Lead content**	:	≤ 0.005 g/L

10. STABILITY AND REACTIVITY

Reactivity: Stable at normal conditions.

Chemical stability: This product is stable under normal temperature conditions and recommended use.

Possibility of hazardous reactions: Hazardous polymerization does not occur.

Conditions to avoid: Keep away from heat, spark and open flame. Do not allow vapor to accumulate in low or confined space.

Incompatibile materials: Strong acids, oxidizing agents.

Hazardous decomposition products: Carbon monoxide (CO), carbon dioxide (CO_2) and/or low molecular weight hydrocarbons**.**

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

Product/Components	Type of threshold	Result	Routes	Species
Benzene	LD50	2990 mg/kg	Oral	Rat
	LD50	8263 mg/kg	Dermal	Rabbit
	LC50	44700 mg/m^3 in 4 hours	Inhalation	Rat

Potential chronic health effects

Carcinogenicity: May cause cancer. Risk of cancer depends on duration and level of exposure.

Mutagenicity: Not available.

Reproductive toxicity: Not available.

12. ECOLOGICAL INFORMATION

Ecotoxicity

Product/Components	Type of threshold	Species	Exposure time	Result
Benzene	LC50	Rainbow trout	96 hours	5.9 mg/L
	LC50	Fathead	96 hours	15 – 32 mg/L

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

		minnow		
	EC50	Water flea	48 hours	22 mg/L
	EC50	Green algae	72 hours	29 mg/L

Environmental effects

Biodegradation: Not available.

BOD and COD index: Not available.

Products of Biodegradation: Not available.

Toxicity of the Products of Biodegradation: Possibly hazardous short term degradation products are not likely. However, long term degradation products may arise.

13. DISPOSAL INFORMATION

Disposal Regulatory Information : According to the current law of the host country on waste disposal and destruction.

Hazardous classification of waste : Classified as hazardous waste in any case.

Disposal/disposal of waste chemicals : Waste containers should be recycled. Waste products must be collected, transported and treated by company that have been granted corresponding hazardous waste treatment licenses in accordance with law.

Care should be taken when handling empty containers that have not been cleaned or rinsed. Do not discharge waste directly into the ground, water source. Burning should only be considered when recycling is not possible.

14. TRANSPORT INFORMATION

Vietnamese Regulations

Proper shipping name : Gasoline

UN number : 1203

Hazard Class : 3

Packing group : II

Required Label :

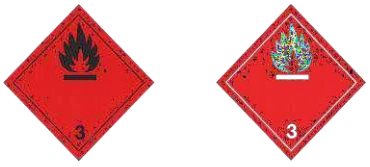

(No. 3)
Symbol (flame): black or white;
Background: red; Figure '3' in bottom corner

International Regulations (EU, USA): Follow DOT/IATA/IMDG

Proper shipping name : Gasoline

UN number : 1203

Hazard Class : 3

Packing group : II

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026

Required Label

:

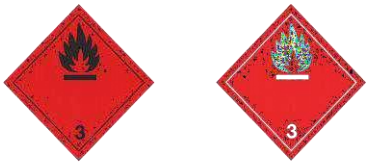

(No. 3)
Symbol (flame): black or white;
Background: red; Figure '3' in bottom corner

15. REGULATORY INFORMATION

Products are controlled in accordance with the current provisions of Vietnamese law (including Laws, Decrees, Circulars, TCVN and other relevant legal documents) guiding the fields of chemicals, fire prevention and fighting, health and safety and environment.

16. OTHER INFORMATION

National Fire Protection Association (NFPA): (Scale 0-4)

Health: 2
Flammability: 3

Reactivity: 0

Specific hazard:

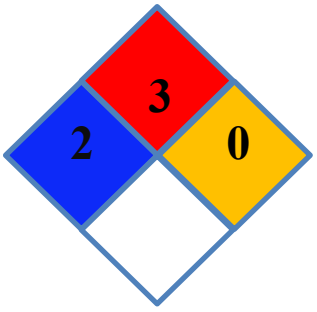

Hazardous Material Identification System (HMIS III): (Scale 0 – 4):

Health Hazard: 2

Fire Hazard: 3

Physical Hazard: 0

Personal Protection (H): Gloves (impervious). Synthetic apron. Vapor respirator. Be sure to use an approved/certified respirator or equivalent. Wear appropriate respirator when ventilation is inadequate. Splash goggles.

HMIS III	
HEALTH	2**
FIRE	3
PHYSICAL HAZARD	0
PERSONAL PROTECTION	H

Created: Jul-2026

Prepared by: PetroVietNam Refining & Petrochemical Corporation

Notice to reader

The information provided in this Safety Data Sheet is believed to be accurate and represents the best of our knowledge and belief at the date of its publication. The information given is designed only as guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release and is not to be considered a warranty or quality specification. Although certain hazards are described herein, we cannot guarantee that these are the only hazards that exist. If the product is used as a component in another product, this SDS information may not be applicable. Users should make their own investigations to determine the suitability of the information for their particular purposes.

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.bsr.com.vn. Với số định danh: 952/QĐ-ATMT/2026